

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 1/12

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Chi cục trưởng.
3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NOI NHẬN	TT	NOI NHẬN
☐	Chi cục trưởng	☐	Trạm KĐĐV Cảng Biển
☐	Phó Chi cục trưởng	☐	Trạm KĐĐV Sân bay Tân Sơn Nhất
☐	P. Tổng hợp	☐	Trạm KĐĐV Sân bay Long Thành
☐	P. Chăn nuôi và Thú y	☐	Trạm KĐĐV Mộc Bài và Bình Hiệp

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi
01	27/10/2025	Bổ sung Mục “6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN” Điều chỉnh Mục “6. HỒ SƠ LƯU” thành Mục “7. HỒ SƠ LƯU”
02	27/3/2026	Cập nhật mới nội dung quy trình theo các quy định mới hiện hành.

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	Kiểm dịch viên	Phó Chi cục trưởng	Chi cục trưởng
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Hoàng Tân	Trần Đức Trung	Phạm Trung Kiên

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 2/12

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm dịch đối với động vật trên cạn nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu động vật trên cạn qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y năm 2015;

Luật Chăn nuôi năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 3/12

Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Thông tư số 01/2026/TT-BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/ TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

Thông tư số 14/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 4/12

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Quyết định số 106/QĐ-BNNMT ngày 13/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Quyết định số 1300/QĐ-BNNMT ngày 07/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y.

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

Trong quy trình này, các từ viết tắt được hiểu như sau:

TT01: Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

HS: Hồ sơ.

GCNKD: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Đơn vị kiểm dịch động vật: Các phòng/trạm trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI thực hiện công tác kiểm dịch xuất, nhập khẩu.

KDVĐV: Người làm công tác kiểm dịch được Lãnh đạo Chi cục, Lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch phân công.

Chủ hàng: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục khai báo kiểm dịch.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 5/12

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ

TT	Trách nhiệm	Nội dung kiểm dịch	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	KDVĐV (Tại bộ phận một cửa)	Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch	Trong thời gian 01 ngày làm	Xem 5.2.1
2	KDVĐV	Kiểm tra lâm sàng và thực trạng lô hàng, không lấy mẫu kiểm dịch Kiểm tra lâm sàng và thực trạng lô hàng, lấy mẫu kiểm dịch	không quá 45 ngày	Xem 5.2.2 đến 5.2.5
3	KDVĐV	Đạt yêu cầu kiểm dịch Không đạt yêu cầu kiểm dịch Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch Các bước xử lý lô hàng theo quy định Phê duyệt của lãnh đạo Chi cục Lưu hồ sơ		

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 6/12

5.2. Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch

a) Chủ hàng khi nhập khẩu động vật trên cạn có trong danh mục tại Mục số 1 Phụ lục I của Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Trong thời gian 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật đầy đủ, hợp lệ, đơn vị kiểm dịch động vật xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 Phụ lục V TT01 và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch.

c) Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu. đơn vị kiểm dịch động vật hướng dẫn và giám sát chủ hàng thực hiện cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu.

5.2.1.1. Hình thức nộp hồ sơ: Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

5.2.1.2. Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch (khoản 2 Điều 45 của Luật Thú y; khoản 3 Điều 10 TT01) gồm có:

- a) Đơn khai báo kiểm dịch (Mẫu số 3 Phụ lục V TT01);
- b) Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y;
- c) Bản chụp GCNKD của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc GCNKD của nước xuất khẩu;
- d) Giấy phép Cites nhập (bản sao) đối với động vật nằm trong danh mục quản lý Cites;
- đ) Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 7/12

Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng GCNKD điện tử.

Trường hợp hồ sơ khai báo kiểm dịch không hợp lệ thì đơn vị kiểm dịch được phân công phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

5.2.2 Thực hiện nội dung kiểm dịch

5.2.2.1 Tại cửa khẩu nhập:

KDVĐV thực hiện:

Kiểm tra lâm sàng động vật, đối chiếu thông tin với hồ sơ kiểm dịch; nếu hồ sơ kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, động vật không có dấu hiệu mắc bệnh nguy hiểm, lập Biên bản ghi nhận tình trạng VSTY động vật, SPĐV (Mẫu số 7 Phụ lục V TT01); niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 14a Phụ lục V TT01 để chủ hàng vận chuyển động vật đến nơi cách ly kiểm dịch.

5.2.2.2 Tại nơi cách ly kiểm dịch:

KDVĐV thực hiện:

a) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc (hóa chất dùng trong thú y phải được cấp phép lưu hành theo quy định; nồng độ, liều lượng thuốc sát trùng và hướng dẫn sử dụng);

b) Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh động vật theo quy định tại Phụ lục XII TT01; hướng dẫn chủ hàng phòng bệnh bắt buộc đối với động vật chưa được phòng bệnh theo quy định;

- Lấy mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục XII và theo tỷ lệ lưu hành bệnh ước đoán là 5% theo khoản 3 mục I Phụ lục XII.

- Các bệnh theo quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục XII đã được Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu xét nghiệm và chứng nhận trong giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu, lấy mẫu theo tỷ lệ lưu hành bệnh ước đoán là 10% theo khoản 3 mục I Phụ lục XII.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 8/12

- Lập Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (Mẫu số 6 phụ lục V của TT01);
- Căn cứ triệu chứng lâm sàng, đơn vị kiểm dịch động vật có thể lấy mẫu xét nghiệm để kiểm tra tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục III.

Sau khi lấy mẫu, KDVDV mã hóa, lập Phiếu yêu cầu xét nghiệm và gửi mẫu đến đơn vị xét nghiệm đủ điều kiện theo quy định hiện hành. Thời gian lấy mẫu và chuyển mẫu theo quy định.

c) Không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với:

- Động vật xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) công nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục XII.

- Các bệnh theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục XII đã được Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu chứng nhận trong GCNKD xuất khẩu thể hiện động vật xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ không có bệnh hoặc động vật đã được phòng bệnh bằng vắc-xin.

d) Căn cứ tình hình dịch bệnh của nước xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn hoặc hướng dẫn theo thẩm quyền chỉ tiêu tác nhân gây bệnh cần xét nghiệm để kiểm dịch.

đ) Trường hợp phát hiện bệnh mới chưa được quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục XII, Cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chỉ tiêu kiểm dịch đối với bệnh mới.

e) Theo dõi cách ly kiểm dịch động vật: KDVDV thực hiện việc ghi nhận tình trạng sức khỏe động vật, kiểm tra sổ theo dõi tình trạng sức khỏe động vật của trại trong thời gian cách ly kiểm dịch, hồ sơ ghi chép động vật chết (bình thường) và biện pháp xử lý; kiểm tra 01 lần thực hiện khi lấy mẫu kiểm dịch và 01 lần khi kiểm tra kết thúc cách ly kiểm dịch hoặc kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu bất thường; trường hợp có dịch bệnh trong thời gian theo dõi cách ly động vật thì đơn vị kiểm dịch chủ động phối hợp với cơ quan thú y địa phương thực hiện việc xử lý theo quy định. Thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày bắt

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 9/12

đầu cách ly kiểm dịch (điểm b khoản 1 Điều 47 Luật Thú y; điểm b khoản 3 Điều 11 TT01) hoặc theo văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y.

- Đối với nhóm động vật không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh: thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch từ 07- 20 ngày; động vật khỏe mạnh, KDVDV thực hiện kết thúc cách ly kiểm dịch.

- Đối với nhóm động vật lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh:

(i) Động vật làm giống: thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch từ 15- 25 ngày hoặc thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 47 Luật Thú y, điểm b khoản 3 Điều 11 TT01; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh và động vật khỏe mạnh, KDVDV thực hiện kết thúc cách ly kiểm dịch.

(ii) Động vật giết mổ và làm cảnh: thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch không quá 10 ngày hoặc thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 47 Luật Thú y, điểm b khoản 3 Điều 11 TT01 hoặc khi có kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh và động vật khỏe mạnh, KDVDV thực hiện kết thúc cách ly kiểm dịch.

g) Tiêm phòng vắc xin hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh khác đối với các bệnh trong Danh mục các bệnh phải tiêm phòng, các bệnh theo yêu cầu của chủ hàng (nếu có).

5.2.3. Cấp GCNKD động vật trên cạm nhập khẩu – xử lý lô hàng

Căn cứ vào kết quả xét nghiệm, tình trạng sức khỏe động vật đơn vị kiểm dịch động vật thực hiện các bước để kết thúc thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch, cấp GCNKD động vật nhập khẩu hoặc xử lý lô hàng theo quy định:

a) Nếu lô hàng động vật đạt yêu cầu

- KDVDV dự thảo nội dung của GCNKD theo mẫu 15a Phụ lục V ban hành kèm TT01 trình Lãnh đạo đơn vị xem xét và trình Lãnh đạo Chi cục phê duyệt.

- Thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi đến;

b) Nếu lô hàng động vật không đạt yêu cầu:

KDVDV thực hiện trình tự thủ tục xử lý lô hàng theo quy định.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 10/12

c) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu là 60 ngày.

d) Thu phí và lệ phí kiểm dịch

Đơn vị kiểm dịch động vật thực hiện thu phí và lệ phí kiểm dịch theo quy định.

5.2.4. Trường hợp sau khi đơn vị kiểm dịch đã cấp GCNKD theo quy định, chủ hàng yêu cầu cấp GCNKD thay đổi do sai sót thông tin hoặc bổ sung thông tin trên GCNKD (số lượng, quy cách đóng gói, ngày khởi hành,...) thì chủ hàng phải có Công văn nêu rõ lý do hoặc cung cấp chứng từ xuất khẩu kèm theo có liên quan đến lô hàng để đơn vị kiểm dịch có cơ sở cấp GCNKD thay đổi thông tin. Lãnh đạo phòng/Trạm kiểm tra, xem xét và có ý kiến đề xuất việc cấp thay đổi và trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, phê duyệt GCNKD cấp đổi.

5.2.5. Phê duyệt của Lãnh đạo chi cục

Căn cứ nội dung dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu, Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền thực hiện việc phê duyệt:

- Nếu đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt.

- Nếu không đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền cho ý kiến.

5.2.6. Phát hành GCNKD hoặc quyết định xử lý lô hàng.

Đơn vị kiểm dịch động vật gửi GCNKD hoặc Quyết định xử lý lô hàng cho chủ hàng và lưu hồ sơ theo quy định (khi chủ hàng đã hoàn tất việc đóng phí, lệ phí kiểm dịch).

6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

- Bộ phận Một cửa chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo đơn vị về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật; theo dõi, đôn đốc tiến độ xử lý hồ sơ và cảnh báo khi gần hết hạn.

- KDVĐV được phân công tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ phận Một cửa về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 11/12

- Phòng/ Trạm được phân công có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận kiểm dịch do Phòng/ Trạm mình thực hiện, chịu trách nhiệm tính hợp lệ của hồ sơ kiểm dịch và nội dung chứng nhận kiểm dịch.

- KDVDV trực tiếp xử lý hồ sơ chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Phòng, Trạm về kết quả giải quyết hồ sơ; Giải trình về lý do chậm trễ đối với từng hồ sơ cụ thể.

- Lãnh đạo Phòng, Trạm chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Chi cục về tính hợp lệ của toàn bộ hồ sơ kiểm dịch; có trách nhiệm giải trình trước Lãnh đạo Chi cục về việc chậm, muộn trong giải quyết hồ sơ và các vi phạm (nếu có).

- Đối với hồ sơ quá hạn theo thời gian hẹn dự kiến trả kết quả, trong thời gian không quá 01 ngày kể từ ngày hết hạn, KDVDV dự thảo văn bản thông báo gửi lên BPMC kèm theo văn bản xin lỗi và hẹn ngày dự kiến trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo mẫu. Lãnh đạo đơn vị ký văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo quy định.

7. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ chủ hàng nộp: - Đơn khai báo kiểm dịch (mẫu 3 phụ lục V của TT01); - Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu; - Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y; - Giấy phép Cites nhập (bản sao) đối với động vật nằm trong danh mục quản lý Cites; - Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có) 2. Hồ sơ đơn vị kiểm dịch động vật quản lý - Hồ sơ chủ hàng nộp; - Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (Mẫu 6 Phụ lục V của TT01);	Phương pháp lưu Bản cứng lưu trong các cặp file	Cơ quan	02 năm

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU	Mã số: V601-03
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 12/12

- Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 7 Phụ lục V của TT01); - Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 14a Phụ lục V TT01); - Phiếu yêu cầu xét nghiệm (nếu có); - Kết quả xét nghiệm (nếu có); - Giấy CNKD động vật nhập khẩu (Mẫu 15a Phụ lục V TT01); - Công văn đề nghị xử lý lô hàng (nếu có); - Quyết định xử lý lô hàng (nếu có).			
--	--	--	--

* TRƯỞNG *

